

Số: 2070/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm tổ chức đấu giá
quyền sử dụng đất khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

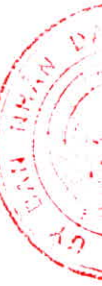
Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư Pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 584/TTr-STNMT ngày 01/11/2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, cụ thể như sau:

1. Mục đích xác định giá đất: Xác định giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Thông tin về khu đất cần định giá

a) Khu đất tọa lạc tại: Khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh.

b) Tổng diện tích: 10.476,0 m².

c) Tổng số thửa: 48 thửa.

d) Mục đích sử dụng: Đất ở.

e) Thời điểm định giá: Tháng 10/2022.

3. Kết quả xác định giá đất.

STT	Ký hiệu	Số thửa	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền làm tròn (đồng)	Ghi chú
1	Lô số 1	120	215,5	7.961.477	1.715.698.000	Tiếp giáp đường Trần Phú
2	Lô số 2	121	214,0	7.961.477	1.703.756.000	
3	Lô số 3	122	212,7	9.553.772	2.032.087.000	Tiếp giáp đường Trần Phú và D1
4	Lô số 4	123	220,8	6.428.963	1.419.515.000	Tiếp giáp đường D1
5	Lô số 5	124	225,5	6.428.963	1.449.731.000	
6	Lô số 6	125	230,1	6.428.963	1.479.304.000	
7	Lô số 7	126	234,8	6.428.963	1.539.094.000	
8	Lô số 8	127	239,4	6.043.625	1.474.645.000	
9	Lô số 9	128	244,0	6.043.625	1.474.645.000	Tiếp giáp đường D1, có chiều dài thửa đất trên 30m
10	Lô số 10	129	248,7	6.043.625	1.503.050.000	
11	Lô số 11	130	253,3	6.043.625	1.530.850.000	
12	Lô số 12	131	258,0	6.043.625	1.559.255.000	
13	Lô số 13	132	262,6	6.043.625	1.587.056.000	
14	Lô số 14	134	183,2	6.757.951	1.238.057.000	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng
15	Lô số 15	135	214,0	8.109.541	1.735.442.000	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng và D1
16	Lô số 16	149	218,2	8.109.541	1.769.502.000	
17	Lô số 17	150	218,3	6.757.951	1.475.261.000	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng
18	Lô số 18	151	210,4	6.757.951	1.421.873.000	
19	Lô số 19	148	216,0	6.428.963	1.388.656.000	Tiếp giáp đường D1
20	Lô số 20	147	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
21	Lô số 21	146	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
22	Lô số 22	145	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
23	Lô số 23	144	216,0	6.428.963	1.388.656.000	

24	Lô số 24	143	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
25	Lô số 25	142	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
26	Lô số 26	141	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
27	Lô số 27	140	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
28	Lô số 28	139	216,0	6.428.963	1.388.656.000	
29	Lô số 29	136	204,2	9.553.772	1.950.880.000	Tiếp giáp đường Trần Phú và D1
30	Lô số 30	137	226,5	7.961.477	1.803.275.000	
31	Lô số 31	138	240,8	7.961.477	1.917.124.000	Tiếp giáp đường Trần Phú
32	Lô số 32	152	187,2	7.961.477	1.490.388.000	
33	Lô số 33	153	201,5	7.961.477	1.604.238.000	
34	Lô số 34	154	208,0	9.553.772	1.987.185.000	Tiếp giáp đường Trần Phú và Nguyễn Văn Cừ
35	Lô số 35	155	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
36	Lô số 36	156	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
37	Lô số 37	157	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
38	Lô số 38	158	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
39	Lô số 39	159	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
40	Lô số 40	160	216,0	7.518.681	1.624.035.000	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Cừ
41	Lô số 41	161	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
42	Lô số 42	162	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
43	Lô số 43	163	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
44	Lô số 44	164	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
45	Lô số 45	165	216,0	7.518.681	1.624.035.000	
46	Lô số 46	166	200,0	6.757.951	1.351.590.000	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng
47	Lô số 47	167	192,1	6.757.951	1.298.202.000	
48	Lô số 48	168	176,2	9.022.417	1.589.750.000	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng và Nguyễn Văn Cừ
Tổng cộng			10.476,0		74.852.398.000	

(Bảng chữ: Bảy mươi bốn tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng)

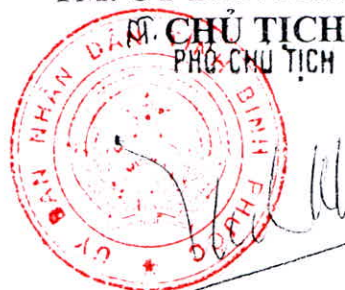
Ghi chú: Đơn giá đất nêu trên tính cho thời hạn sử dụng ổn định lâu dài.

Điều 2. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LDVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 94).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Anh Minh